

S : 14 /2010/TT-BTTTT

Hà N i, ngày 29 tháng 6 n m 2010

THÔNG T

Quy nh chi ti t m t s i u c a Ngh nh s 97/2008/N -CP ngày 28 tháng 08 n m 2008 c a Chính ph v qu n lý, cung c p, s d ng d ch v Internet và thông tin i n t trên Internet i v i ho t ng qu n lý trang thông tin i n t và d ch v m ng xã h i tr c tuy n

B TR NG B THÔNG TIN VÀ TRUY N THÔNG

C n c Ngh nh s 187/2007/N -CP ngày 25 tháng 12 n m 2007 c a Chính ph quy nh ch c n ng, nhi m v , quy n h n và c c u t ch c c a B Thông tin và Truy n thông;

C n c Ngh nh s 97/2008/N -CP ngày 28 tháng 8 n m 2008 c a Chính ph v qu n lý, cung c p, s d ng d ch v Internet và thông tin i n t trên Internet;

Theo ngh c a C c tr ng C c Qu n lý phát thanh, truy n hình và thông tin i n t ,

QUY NH

i u 1. Ph m vi i u ch nh và i t ng áp d ng

Thông t này quy nh chi ti t m t s i u c a Ngh nh s 97/2008/N -CP ngày 28 tháng 08 n m 2008 c a Chính ph v qu n lý, cung c p, s d ng d ch v Internet và thông tin i n t trên Internet (sau ây g i t t là Ngh nh s 97) i v i ho t ng qu n lý trang thông tin i n t và d ch v m ng xã h i tr c tuy n.

Thông t này áp d ng i v i các t ch c, doanh nghi p, cá nhâ n tham gia v i c qu n lý, cung c p trang thông tin i n t và d ch v m ng xã h i tr c tuy n.

i u 2. Gi i thích m t s t ng c s d ng trong Ngh nh s 97

1. “Thông tin t ng h p v chính tr , kinh t , v n hoá, xã h i” quy nh t i kho n 13 i u 3 Ngh nh s 97 là thông tin c t ng h p t nhi u ngu n thông tin ho c nhi u lo i hình thông tin v m t ho c nhi u l nh v c chính tr , kinh t , v n hoá, xã h i.

2. “Trích dẫn lại thông tin” quy định tại khoản 13 điều 3 Nghị định 97 là trích dẫn nguyên văn, chính xác nội dung tin chính thức, không bình luận, bao gồm các nội dung ghi rõ tên tác giả, tên cơ quan của nguồn tin chính thức, thời gian đăng, phát thông tin đó.

3. “Nguồn tin chính thức” quy định tại khoản 13 điều 3 Nghị định số 97 là thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh, phát trên báo chí Việt Nam hoặc trên các trang thông tin internet của các cơ quan, Nhà nước phù hợp với quy định pháp luật về báo chí, văn bản quy định.

Điều 3. Quy định chung về nội dung của Trang thông tin internet

1. Cơ quan báo chí có thể lập trang thông tin internet trên internet cung cấp nội dung thông tin bằng tiếng Việt, phát trên báo chí của mình theo đúng tôn chỉ, mục đích quy định trong giấy phép hoạt động báo chí.

Trang thông tin internet của cơ quan báo chí có quyền lý và cấp phép nội dung trang thông tin internet tổng hợp.

2. Các trang thông tin internet không phải cấp phép theo quy định tại khoản 6 điều 19 Nghị định số 97 là:

a) Trang thông tin internet chỉ cung cấp thông tin tài liệu thi đấu văn hóa thể thao, dịch vụ, sản phẩm, ngành nghề hoạt động của chính thức, doanh nghiệp, không trích dẫn lại thông tin.

b) Trang thông tin internet của cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 4 Thông tư 26/2009/TT-BTTTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp thông tin và mở rộng khả năng truy cập thuận tiện về nội dung trang thông tin internet của cơ quan nhà nước.

3. Trang thông tin internet cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến phải tuân hành đăng ký theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

4. Trên trang của trang thông tin internet phải cung cấp đầy đủ các thông tin: tên của tổ chức quản lý trang thông tin internet; địa chỉ, thời gian, số liên hệ, tên người chịu trách nhiệm quản lý nội dung. Riêng về nội dung trang thông tin internet tổng hợp, trang thông tin internet của các cơ quan báo chí, trang thông tin internet cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến phải ghi rõ số giấy phép đăng ký, ngày, tháng, năm cấp của cơ quan có thẩm quyền.

5. Các trang thông tin internet tổng hợp khi trích dẫn lại thông tin phải tuân theo quy định về nguồn tin của quy định tại khoản 13 điều 3 Nghị định số 97 và khoản 2, khoản 3 điều 2 Thông tư này, không được tự ý kiểm tra, bình luận của nội dung tin, bài viết trích dẫn.

6. Các tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin internet và sử dụng Internet cung cấp dịch vụ mạng xã hội chuyên ngành trên Internet quy định tại khoản 5 điều 19 Nghị định số 97 nêu có cung cấp thông tin tổng hợp về mặt trong ngành lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thì phải xin cấp phép nội dung trang thông tin internet tổng hợp;

7. Trang thông tin internet t ng h p, trang thông tin internet cung c p d ch v m ng xã h i tr c tuy n mu n ng ng ho t ng ph i thông báo (tr c 10 ngày làm vi c) b ng v n b n cho c quan c p phép, c quan c p ng ký.

đ i u 4. Các hành vi b nghiêm c m quy nh t i đ i u 6 Ngh nh s 97 i v i ho t ng thi t l p, s đ ng trang thông tin internet

1. L i d ng trang thông tin internet cung c p, truy n i, qu ng cáo ho c t ng liên k t tr c ti p n nh ng thông tin vi ph m các quy nh t i đ i u 6 Ngh nh s 97.

2. T o trang thông tin internet gi m o cá nhân, t ch c, doanh nghi p khác; thông tin sai s th t xâm h i n quy n và l i ích h p pháp c a t ch c, doanh nghi p, cá nhân.

3. Truy n bá tác ph m báo chí, v n h c, ngh thu t, xu t b n ph m vi ph m các quy nh c a pháp lu t.

4. S đ ng nh ng thông tin, hình nh c a cá nhân vi ph m các quy nh t i đ i u 31, đ i u 38 B lu t Dân s .

5. S đ ng, cung c p thông tin vi ph m các quy nh v s h u trí tu , v giao d ch th ng m i internet và các quy nh khác c a pháp lu t hi n hành.

6. Miêu t t m nh ng hành ng dâm ô, b o l c, gi t ng i rùng r n; ng, phát các hình nh ph n c m, thi u tính nhân v n; cung c p n i dung, hình nh, tranh kh a thân có tính ch t kích dâm, thi u th m m , không ph ù h p v i thu n phong, m t c Vi t Nam.

đ i u 5. Trách nhi m c a doanh nghi p cung c p d ch v Internet quy nh t i đ i u 7, Ngh nh 97 liên quan n trang thông tin internet

1. T ch i cung c p d ch v internet i v i các t ch c, cá nhân thi t l p trang thông tin internet vi ph m nghiêm tr ng quy nh t i đ i u 4 Thông t này khi có yêu c u c a c quan nhà n c có th m quy n. Khi doanh nghi p cung c p d ch v internet t phát hi n n i dung thông tin vi ph m nghiêm tr ng quy nh t i đ i u 4 Thông t này thì t m ng ng cung c p d ch v và báo cáo ngay cho c quan qu n lý nhà n c x lý.

2. Ng n ch n nh ng trang thông tin internet vi ph m quy nh t i đ i u 4 Thông t này khi có yêu c u c a c quan nhà n c có th m quy n.

3. Cung c p thông tin có liên quan t i trang thông tin internet vi ph m quy nh t i đ i u 4 Thông t này khi có yêu c u c a c quan nhà n c có th m quy n.

đ i u 6. Trách nhi m c a các t ch c, doanh nghi p thi t l p trang thông tin internet t ng h p

1. Xây đ ng quy trình qu n lý thông tin phù h p v i quy mô ho t ng c a trang thông tin internet t ng h p do t ch c, doanh nghi p qu n lý, m b o tuân th theo úng các quy nh t i đ i u 3 Thông t này.

2. Ng n ch n và lo i b nh ng n i dung thông tin vi ph m các quy nh t i i u 4 Thông t này ngay khi t phát hi n ho c khi có yêu c u c a c quan qu n lý nhà n c có th m quy n.

3. Th c hi n theo úng quy nh v ngu n tin t i kho n 3 i u 2 Thông t này khi cung c p thông tin t ng h p và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t v b n quy n.

4. L u tr thông tin t i thi u trong 90 ngày k t th i i m thông tin c ng, phát trên trang thông tin i n t c a mình.

5. Ch u s thanh tra, ki m tra c a các c quan nhà n c có th m quy n theo quy nh.

6. Có trách nhi m báo cáo v i c quan qu n lý nhà n c theo quy nh t i kho n 1 i u 11 Thông t này.

i u 7. Trách nhi m c a doanh nghi p cung c p d ch v m ng xã h i tr c tuy n

1. Xây d ng và công khai quy ch cung c p, trao i thông tin trên trang thông tin i n t cung c p d ch v m ng xã h i tr c tuy n c a doanh nghi p, b o m không vi ph m các quy nh c a pháp lu t và quy nh t i i u 4 Thông t này.

2. Xây d ng quy trình qu n lý thông tin và c s d li u v các thành viên tham gia phù h p v i quy mô cung c p d ch v do doanh nghi p qu n lý.

3. Có bi n pháp k thu t và quy trình qu n lý ch ng th c hi n vi c ng n ch n và lo i b nh ng n i dung thông tin vi ph m các quy nh t i i u 4 Thông t này ngay khi t phát hi n ho c nh n c ph n ánh c a ng i s d ng ho c khi có yêu c u c a c quan qu n lý nhà n c có th m quy n.

4. Cung c p thông tin có liên quan n n i dung thông tin vi ph m quy nh t i i u 4 Thông t này theo yêu c u c a c quan qu n lý Nhà n c có th m quy n.

5. Ch u s thanh tra, ki m tra c a các c quan nhà n c có th m quy n theo quy nh.

6. Có trách nhi m báo cáo v i c quan qu n lý nhà n c theo quy nh t i kho n 2 i u 11 Thông t này.

i u 8. i u ki n và h s c p phép thi p l p trang thông tin i n t t ng h p

1. i u ki n c p phép

a) Là t ch c, doanh nghi p c thành l p và ho t ng theo quy nh c a pháp lu t Vi t Nam, có ngành ngh ng ký kinh doanh ho c có ch c n ng, nhi m v phù h p v i n i dung thông tin trên trang thông tin i n t xin c p phép;

b) Có ph ng ti n k thu t, nhân s , ch ng trình qu n lý thông tin phù h p v i quy mô ho t ng, b o m vi c cung c p thông tin trên trang

thông tin internet không vi phạm các quy định tại Điều 6 Nghị định 97 và Điều 4 Thông tư này.

c) Người chịu trách nhiệm quản lý trang thông tin internet tổng hợp phải áp dụng các tiêu chí như sau:

- Là người tự doanh, doanh nghiệp hoặc là người cá nhân tự doanh, doanh nghiệp quy định;
- Có quốc tịch Việt Nam và có địa chỉ thường trú hoặc tạm trú tại Việt Nam;
- Tự nguyện đăng ký.

2. Hồ sơ đăng ký

Hồ sơ đăng ký bao gồm thành 02 bộ, mỗi bộ hồ sơ gồm có:

a) Đơn đăng ký đăng tải trang thông tin internet có nội dung cam kết tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định tại Thông tư này theo mẫu đính kèm ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu số 01).

b) Bản sao có chứng thực một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp thành lập theo luật doanh nghiệp) Giấy chứng nhận tự do (đối với doanh nghiệp thành lập theo Luật tự do); Quy tắc thành lập (đối với tổ chức không phải doanh nghiệp) có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin trên trang thông tin internet xin cấp phép và kèm theo văn bản chấp thuận của cơ quan chức năng (nếu có); Giấy phép hoạt động báo chí (đối với cơ quan báo chí).

c) Bản tự nguyện đăng ký (bản sao có chứng thực) và sơ yếu lý lịch cá nhân người chịu trách nhiệm quản lý trang thông tin internet có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công nhân và địa phương.

d) Bản đăng tải trang thông tin internet tổng hợp có nội dung chính quy định tại Điều 2 Điều 21 Nghị định 97. Trường hợp sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” thì tên miền này phải còn thời hạn sử dụng ít nhất 6 tháng tính từ thời điểm xin cấp phép. Trường hợp sử dụng tên miền quốc tế thì tên miền này đã được thông báo cho Bộ Thông tin và Truyền thông theo đúng quy định tại Thông tư 09/2008/TT-BTTTT, ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

e) Văn bản chấp thuận của các tổ chức cung cấp tin tức và thông tin để pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Tiêu chí, hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến

1. Tiêu chí đăng ký:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Có phòng tin tức thu thập, nhân sự, chương trình quản lý phù hợp với quy mô hoạt động báo chí để cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực

tuyên không vi phạm các quy định Nghị định số 97, Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định tại Thông tư này;

c) Có ngành nghề kinh doanh hoặc có chức năng, nhiệm vụ phù hợp;

d) Có tên miền hợp lệ;

đ) Cam kết cá nhân, người chủ, doanh nghiệp hoàn toàn bảo đảm cho việc cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến không vi phạm các quy định tại Nghị định số 97, Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định tại Thông tư này.

2. Hồ sơ đăng ký:

a) Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, có nội dung cam kết tuân thủ các quy định của Nghị định số 97, Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông và quy định tại Thông tư này (Mục số 02).

b) Bản sao có công chứng Quy định thành lập (đối với tổ chức), giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận xuất xứ hoặc giấy phép xuất khẩu ngành nghề kinh doanh phù hợp (đối với doanh nghiệp).

c) Quy chế cung cấp, trao đổi thông tin trên trang thông tin internet cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến cá nhân, doanh nghiệp bảo đảm không vi phạm các quy định tại Nghị định số 97, Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định tại Thông tư này.

d) Bản cam kết cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến bảo đảm các yêu cầu sau:

- Lo ngại hình thức (trò chuyện trực tuyến, tổ chức thông tin internet cá nhân, diễn đàn và các hình thức tương tác khác cho phép người sử dụng tương tác, chia sẻ, trao đổi thông tin với nhau).

- Quy trình quản lý thông tin phù hợp với quy mô cung cấp dịch vụ do tổ chức, doanh nghiệp quản lý.

- Bên pháp luật, nghiệp vụ, nhân sự, chế độ quản lý phù hợp với quy mô hoạt động bảo đảm cho việc cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến không vi phạm các quy định tại mục 3 Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

đ) Sự ủy thác cá nhân chịu trách nhiệm có xác nhận cá nhân, người chủ hoặc các quan có thẩm quyền (đối với doanh nghiệp).

e) Trường hợp sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” phải phù hợp theo quy định tại điều khoản 2.1 và 8 Thông tư này.

Điều 10. Thẩm quyền và quy trình cấp phép, xác nhận đăng ký

1. Các Quy định phát thanh, truyền hình và thông tin internet

a) Ti p nh n, th m nh và c p phép thi t l p trang thông tin i n t t ng h p c a các t ch c sau:

- T ch c Trung ng;

- T ch c tôn giáo ho t ng h p pháp t i Vi t Nam.

- Các c quan ngo i giao, c quan lãnh s , c quan i di n t ch c qu c t liên Chính ph , c quan i di n t ch c phi Chính ph , t ch c kinh t , v n hóa, khoa h c c a n c ngoài và các t ch c có y u t n c ngoài khác có i di n h p pháp ho t ng t i Vi t Nam.

b) Th m nh và c p phép thi t l p trang thông tin i n t t ng h p c a các t ch c trong n c, doanh nghi p do c quan qu n lý nhà n c c a a ph ng c p phép ho c c p ng ký ho t ng, tr thành ph Hà N i và thành ph H Chí Minh.

c) Ti p nh n, th m nh và c p phép thi t l p trang thông tin i n t c a các c quan báo chí Trung ng.

d) Th m nh và c p phép thi t l p trang thông tin i n t c a các c quan báo chí a ph ng.

) Ti p nh n, th m nh và c p ng ký cung c p d ch v m ng xã h i tr c tuy n c a các t ch c, doanh nghi p Vi t Nam và các t ch c, doanh nghi p n c ngoài có i di n pháp nhân t i Vi t Nam.

2. S Thông tin và Truy n thông các t nh, thành ph tr c thu c trung ng, tr S Thông tin và Truy n thông thành ph Hà N i và thành ph H Chí Minh.

Ti p nh n và ki m tra tính h p l c a h s ng ký c p phép thi t l p trang thông tin i n t t ng h p c a các t ch c trong n c, doanh nghi p do c quan qu n lý nhà n c c a a ph ng c p phép ho c c p ng ký ho t ng, h s ng ký c p phép thi t l p trang thông tin i n t c a các c quan báo chí c a a ph ng và có v n b n (kèm h s) ngh C c Qu n lý phát thanh, truy n hình và thông tin i n t xem xét, c p phép.

3. S Thông tin và Truy n thông thành ph Hà N i và thành ph H Chí Minh

a) Ti p nh n, th m nh và c p phép i v i h s xin c p phép trang thông tin i n t t ng h p c a các t ch c trong n c do c quan qu n lý nhà n c c a thành ph Hà N i và thành ph H Chí Minh c p phép ho t ng, doanh nghi p trong và ngoài n c có ng ký tr s ho t ng t i thành ph Hà N i và thành ph H Chí Minh (tr tr ng h p thu c th m quy n c p phép c a C c Qu n lý phát thanh, truy n hình và thông tin i n t c quy nh t i i m a, kho n 1, i u này).

b) Ti p nh n và ki m tra tính h p l c a h s ng ký c p phép thi t l p trang thông tin i n t c a các c quan báo chí c a a ph ng và có v n b n (kèm h s) ngh C c Qu n lý phát thanh, truy n hình và thông tin i n t xem xét, c p phép.

4. Thi hành xử lý hồ sơ

a) Các Quy định phát thanh, truyền hình và thông tin internet xem xét, cấp phép thi triển trang thông tin internet trên mạng, trang thông tin internet của các quan báo chí, cấp mạng kỹ thuật cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 điều 21 và khoản 3 điều 22 Nghị định số 97.

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ xin cấp phép thi triển trang thông tin internet trên mạng (trình sơ thẩm quy định cấp phép của Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh quy định tại điểm a, khoản 3, điều này), hồ sơ xin cấp phép trang thông tin internet của các quan báo chí, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ xin cấp phép và chuyển hồ sơ về Các Quy định phát thanh, truyền hình và thông tin internet để xem xét, cấp phép. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

c) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét duyệt hồ sơ và việc các hồ sơ xin cấp phép thi triển trang thông tin internet trên mạng thu c thẩm quy định cấp phép quy định tại điểm a, khoản 3, điều này. Trong trường hợp từ chối, Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

5. Thẩm quyền bổ sung, sửa đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép

a) Các quan cấp giấy phép theo quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này có thẩm quyền quy định việc bổ sung, sửa đổi, gia hạn, cấp lại hoặc thu hồi giấy phép theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 điều 21 Nghị định số 97.

b) Trong trường hợp phát hiện sai phạm trong quá trình cấp phép và hoạt động cung cấp thông tin, Các Quy định phát thanh, truyền hình và thông tin internet có thẩm quyền quy định việc thu hồi giấy phép thi triển trang thông tin internet trên mạng của các tổ chức, doanh nghiệp.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi cấp phép quy định tại khoản 3 điều 9, Thông tư này, Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giám sát (01) biện pháp xử lý vi phạm Thông tin và Truyền thông (Các Quy định phát thanh, truyền hình và thông tin internet) báo cáo.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Các tổ chức, doanh nghiệp thi triển trang thông tin internet trên mạng

a) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 12 tháng một lần và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của các quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b) Nội dung báo cáo định kỳ bao gồm:

- Tên tổ chức, ngày, tháng, năm và ký hiệu giấy phép thi triển trang thông tin internet trên mạng của các quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Nội dung thông tin cung cấp, các chuyên mục;
- Danh mục nguồn tin;
- Nhân sự và các biện pháp quản lý thông tin trên trang thông tin internet hợp pháp.

c) Doanh nghiệp đăng tải trang thông tin internet hợp pháp có trách nhiệm gửi báo cáo trực tiếp ngày 15 tháng 01 hàng năm.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến:

a) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng một lần và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của các quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b) Nội dung báo cáo định kỳ bao gồm:

- Tên tổ chức, ngày, tháng, năm và ký hiệu văn bản xác nhận đăng ký cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến của các quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Các loại hình dịch vụ cung cấp;

- Số lượng thành viên sử dụng các dịch vụ của doanh nghiệp quản lý và các dữ liệu thống kê theo yêu cầu của các quan có thẩm quyền.

c) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến có cung cấp dịch vụ tạo trang thông tin internet cá nhân có trách nhiệm gửi báo cáo trực tiếp ngày 15 tháng 01 và trực tuyến ngày 15 tháng 7 hàng năm.

3. Cách gửi báo cáo:

- Bằng Thông tin và Truy cập thông tin (Cơ quan lý phát thanh, truy cập hình và thông tin internet).

Email: cucptth&ttdt@mic.gov.vn

- Số Thông tin và Truy cập thông tin địa phương của doanh nghiệp đăng ký trực tiếp.

3. Số Thông tin và Truy cập thông tin các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo định kỳ 3 tháng một lần về Bộ Thông tin và Truy cập thông tin (trực tiếp ngày thứ 10 của mỗi Quý trong năm) và trực tiếp quản lý nhà nước về thông tin internet trên Internet địa phương.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2010.

2. Các trang thông tin internet đã được cấp phép theo Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và Quy định số 27/2002/QĐ-BVHTT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Văn hóa - Thông tin và Văn phòng Quy định quản lý và cấp giấy phép cung cấp thông tin, đăng tải trang tin internet trên Internet nêu cung cấp nội dung thông tin hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này thì phải tiến hành xin cấp giấy phép theo quy định tại Thông tư này trong thời gian 90 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nếu có vướng mắc nghẽn nghẽn ảnh hưởng B Thông tin và Truyền thông cần xem xét, giải quyết.

N i nh n:

- Thủ tướng, các PTT Chính phủ ;
- VP Chính phủ ;
- VP Trung ương ;
- VP Quốc hội ;
- VP Chính quyền ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan TW của các đoàn thể ;
- Các Kiểm tra viên (Bộ Tư pháp);
- Các Sở TTTT;
- Các doanh nghiệp viễn thông và Internet;
- Công báo;
- Website Chính phủ ;
- Bộ TTTT: BT, các TT, các đơn vị thuộc Bộ ;
- Lưu: VT, Cục QL PTTH-TT T, NH.

KT.B TR NG
TH TR NG

Quý Doãn